

# Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học trong bối cảnh chuyển đổi số tại Học viện Hành chính Quốc gia

Trần Thị Mai\*

\*ThS.GV. Khoa Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng, Học viện Hành chính Quốc gia

Received: 5/12/2023; Accepted: 15/12/2023; Published: 20/12/2023

*Abstract: A training program is a system of educational and training activities designed and implemented to achieve training goals, towards granting a university education degree to learners. The training program includes objectives, amount of knowledge, structure, content, methods and forms of assessment for subjects, majors, training levels, and outcome standards in accordance with the National Qualifications Framework of Vietnam according to Circular 17/2021/TT-BGDĐT dated June 22, 2021 regulating training program standards, building, evaluating and promulgating training programs for all levels of higher education.*

**Keywords:** University-level training program in archives, digital transformation context

## 1. Mở đầu

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng như những cuộc cách mạng trước đó đã có những tác động lớn đến đời sống xã hội trên thế giới mà Việt Nam không phải là ngoại lệ với những mức độ và chiều hướng khác nhau. Hội nhập và nắm bắt kịp thời với xu thế phát triển, ngày 03 tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định số 749/QĐ-TTg “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó định hướng tầm nhìn đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia số. Chuyển đổi số (CĐS) là thay đổi phương thức làm việc trong cuộc sống, phương thức sản xuất với các công nghệ số, là sự tích hợp đầy đủ các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, ứng dụng các công nghệ, nhằm thay đổi cách thức vận hành, mô hình làm việc và đem đến những hiệu quả cao hơn, những giá trị mới hơn, đòi hỏi cơ quan, tổ chức cần liên tục cập nhật, liên tục học hỏi theo cái mới, cái hiện đại.

Giáo dục đại học là một trong những ngành chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của cuộc cách mạng CĐS vì sản phẩm của đào tạo phải đáp ứng với nhu cầu của thị trường lao động đang có sự thay đổi nhanh chóng. Vì vậy, một quốc gia muốn phát triển nhanh và bền vững thì phải xây dựng chiến lược để thực hiện, đặc biệt là giáo dục và đào tạo. Nhiệm vụ đặt ra đối với ngành giáo dục nước ta là phải có định hướng cụ thể để thích ứng với thời đại mới, để đào tạo ra nguồn nhân lực tốt, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thị trường lao động hiện đại đòi hỏi các cơ sở giáo dục

phải xây dựng được chương trình đào tạo phù hợp đáp ứng được yêu cầu của thị trường sử dụng lao động trong thời đại CĐS.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành lưu trữ học

Để đáp ứng đủ nhân lực cho nền kinh tế sáng tạo, đòi hỏi phải thay đổi các hoạt động đào tạo như: đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quản lý sinh viên (SV), phương pháp kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra, với sự ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Các trường đại học sẽ phải chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình chỉ đào tạo “*những gì thị trường cần*”, những nội dung của các môn học cơ bản sẽ phải được rút ngắn và thay thế vào đó là những nội dung cần thiết để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và giúp người học thực hiện được phương châm “*học tập suốt đời*”. Theo mô hình mới này, việc gắn kết giữa cơ sở đào tạo với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là yêu cầu tất yếu để bổ sung cho nhau, đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để phân chia các nguồn lực, làm cho các nguồn lực được sử dụng với hiệu quả cao nhất. Thị trường sử dụng lao động có nhu cầu như thế nào, thì người học sẽ càng hướng tới tìm học những nơi đáp ứng được nhu cầu đó.

Đây chính là cơ hội và thách thức để phát triển ngành Lưu trữ học và cũng là đòn bẩy, là yêu cầu buộc phải đổi mới hoạt động đào tạo mang tính ngành nghề nền tảng.

Đứng trước xu thế của sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ. Khi khoa học và công nghệ có những phát minh thời đại thì việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT là yêu cầu tất yếu của các cơ sở đào tạo nói chung và của Học viện hành chính Quốc gia nói riêng. Với sự tác động mạnh mẽ của bối cảnh CDS, tập thể đội ngũ cán bộ, giảng viên Bộ môn Lưu trữ thuộc Khoa Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng đã không ngừng nỗ lực, học hỏi, tìm tòi, sáng tạo kế thừa, bổ sung vào CTĐT những học phần mới phù hợp với đặc thù ngành nhưng cũng đáp ứng được nhu cầu của thị trường sử dụng lao động trong bối cảnh CDS được minh chứng bằng CTĐT đã được học viện ban hành trong những năm học vừa qua, bài viết này tác giả dẫn chứng CTĐT các năm 2019<sup>1</sup>, 2021<sup>2</sup>, 2023<sup>3</sup> cho việc xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Lưu trữ học tại Học viện Hành chính Quốc gia đáp ứng nhu cầu của bối cảnh CDS như sau:

*Phần I: Giới thiệu các thông tin cơ bản về CTĐT*

1. Mục tiêu đào tạo;
2. Chuẩn đầu ra;
3. Thời gian đào tạo
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa;
5. Đối tượng tuyển sinh;
6. Quy trình đào tạo/điều kiện tốt nghiệp;
7. Thang điểm;
8. Nội dung chương trình:
  - 8.1. Khối kiến thức toàn khóa
  - 8.2. Khung chương trình đào tạo
9. Kế hoạch giảng dạy;
10. Hướng dẫn thực hiện chương trình.

*Phần II: Giới thiệu cấu trúc chương trình đào tạo*

Nội dung	Năm 2019	Năm 2021	Năm 2023
Số tín chỉ toàn khóa (chưa tính tín chỉ thuộc phân kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)	127 tín chỉ	127 tín chỉ	127 tín chỉ
Khối kiến thức đại cương	32 tín chỉ	32 tín chỉ	30 tín chỉ

1. Quyết định số 2050/QĐ-ĐHNH ngày 26/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy năm 2019 (nay là Học viện Hành chính Quốc gia)  
 2. Quyết định số 1434/QĐ-ĐHNH ngày 03/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy năm 2021 (nay là Học viện Hành chính Quốc gia)  
 3. Quyết định số 3464/QĐ-HVQG ngày 18/9/2023 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy năm 2023

Khối kiến thức cơ sở ngành	45 tín chỉ	45 tín chỉ	45 tín chỉ
Khối kiến thức chung của ngành	40 tín chỉ	40 tín chỉ	42 tín chỉ
Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10 tín chỉ	10 tín chỉ	10 tín chỉ
Tổng số học phần	69 học phần	77 học phần	76 học phần

**2.2. Một số học phần đã được điều chỉnh trong CTĐT trình độ đại học ngành lưu trữ học**

Từ bảng giới thiệu nội dung CTĐT trình độ đại học ngành lưu trữ học qua các năm 2019, 2021, 2023 đã được học viện ban hành cho ta thấy CTĐT đã có sự kế thừa, điều chỉnh, bổ sung một số học phần ở kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh CDS cụ thể như sau:

TT	Chương trình đào tạo					
	Năm 2019	Số tín chỉ	Năm 2021	Số tín chỉ	Năm 2023	Số tín chỉ
1	Đại cương công nghệ thông tin và truyền thông	2	Đại cương công nghệ thông tin và truyền thông	2	Chính phủ số	2
2	Quản trị sưu tập số	3	Lịch sử sách và xuất bản điện tử	3	Kỹ năng làm việc trong môi trường số	2
3	Quản lý văn bản và lập hồ sơ tài liệu điện tử	2	Quản lý văn bản và lập hồ sơ tài liệu điện tử	2	Quản lý văn bản và lập hồ sơ tài liệu điện tử	2
4	Số hóa và Lưu trữ tài liệu điện tử	3	Số hóa và lưu trữ tài liệu điện tử	3	Số hóa và lưu trữ tài liệu điện tử	3
5	Thư viện số và ứng dụng công nghệ web	3			Chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ	2

6	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn thư - lưu trữ	3				
---	---	---	--	--	--	--

### 2.3. Một số đề xuất

Học viện cần xác định rõ những thách thức đang đặt ra đối với các ngành/chuyên ngành đào tạo trong bối cảnh CDS nhà trường cần phải đổi mới thực sự và nhanh chóng, trước hết là điều chỉnh, cập nhật, xây dựng chương trình đào tạo và phát triển năng lực của người học:

*Thứ nhất*, cần ban hành quy trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học cho các ngành/chuyên ngành được nhà trường đào tạo như sau:

Bước 1: Định hướng chiến lược: Hội đồng khoa học và đào tạo học viện thông qua định hướng chiến lược và chương trình đào tạo;

Bước 2: Hội thảo chuyên gia: hội thảo với các đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia giáo dục trong và ngoài nước về Chương trình đào tạo;

Bước 3: Thiết kế Chương trình đào tạo: Tổ chuyên gia thiết kế chương trình đào tạo phân biệt độc lập bởi 2 chuyên gia trong ngành và các đơn vị sử dụng lao động;

Bước 4: Thông qua Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo được thông qua ở hai hội đồng khoa học học cấp khoa và cấp học viện.

*Thứ hai*, thường xuyên rà soát, đổi mới chương trình đào tạo, gắn liền lý thuyết với thực tiễn. Công tác đào tạo đại học trước hết cung cấp hệ thống lý luận cơ bản, như là nền tảng vững chắc để SV có “vốn” để tiếp cận những vấn đề thực tiễn đang biến đổi không ngừng. Tạo điều kiện tối đa cho SV thực hành, thực tập, làm quen và nắm bắt được những tiến bộ của khoa học - công nghệ trên lĩnh vực được đào tạo.

*Thứ ba*, chương trình đào tạo cần xác định cụ thể các chuẩn đầu ra, phẩm chất chung và năng lực chuyên môn; phải nhanh chóng đổi mới từ khâu tuyển sinh đến khâu đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là đánh giá SV tốt nghiệp. Mục tiêu đào tạo phải hướng tới SV ra trường có năng lực tự duy và sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, có khả năng làm việc độc lập và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các dữ liệu. Học viện phải là nơi dẫn dắt tự duy và tạo động lực

cho SV khởi nghiệp, kết nối với các đơn vị sử dụng lao động.

*Thứ tư*, phải tập trung vào phát triển *phẩm chất và năng lực của người học* thông qua việc định hướng các con đường phù hợp nhất cho các nhóm SV khác nhau để giúp họ phát huy được tiềm năng của mỗi cá nhân. Thương hiệu của một trường đại học không chỉ được đánh giá thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm, mà còn là sự phát triển bền vững của SV, khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới, năng lực đổi mới và sáng tạo trong quá trình hoạt động chuyên môn. Để đáp ứng yêu cầu đó, học viện cần áp dụng chuyên đổi số trong giáo dục đại học nghiên cứu gia tăng cơ hội hợp tác cùng các cơ quan, doanh nghiệp, đồng thời triển khai hoạt động giảng dạy gắn liền với nhu cầu về nguồn nhân lực từ các nhà tuyển dụng lao động. Qua đó, học viện có thể nắm bắt các thông tin, cập nhật chương trình giảng dạy, dự báo các ngành nghề mới theo xu hướng chuyên dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất để phù hợp với sự phát triển của thị trường, xã hội trong bối cảnh CDS.

### 3. Kết luận

CDS trong giáo dục đại học có vai trò then chốt trong sự phát triển của đất nước. Học viện Hành chính Quốc gia trong bối cảnh CDS không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu khoa học, mà còn là trung tâm đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong SV. Vì vậy, học viện phải xây dựng chiến lược phát triển thích ứng với thời kỳ mới, mạnh dạn đổi mới công tác đào tạo, từ đổi mới chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy đến xây dựng đội ngũ giảng viên, theo những tiêu chí mới-khoa học và hiện đại. Có như vậy, học viện mới đáp ứng được những nhu cầu của thời đại mới.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*, Hà Nội.

2. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

3. Quốc hội (2012), *Luật số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 Luật Giáo dục đại học*, Hà Nội.

4. Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan(2023), *Chuyển đổi số trong giáo dục*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.